

Bản án số: 637/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/8/2024  
V/v: “Tranh chấp về hủy kết hôn  
trái pháp luật”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. FORMTEXT Bà Đàm Thu Ánh;
2. FORMTEXT Bà Nguyễn Thị Như Sương.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2024 trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 322/2023/HNGĐ ngày 31/5 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024-HNGĐ ngày 19/6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: 2 Lô N, đường V, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt;

*Bị đơn:* Ông Lê Quang T1 (Lâm Quang T2), sinh năm 1954; địa chỉ: A đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị T và ông Lê Quang T1 (Lâm Quang P) tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 02/89 do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/11/1989. Vợ chồng chung sống có một con chung tên Lâm Phước L, sinh ngày 25/7/1986, đã thành niên.

Sau khi sống chung thì vào năm 2007, bà T phát hiện ông Lâm Quang P thực tế đã lấy tên Lâm Quang P (là tên của một người đã chết) để đăng ký kết hôn với bà T. Sự việc đã được công an quận B xác thực theo văn bản số 1076/TB/QLHC ngày 11/12/2007. Ông P còn có tên khác là Lê Quang T1, sinh ngày 01/01/1954, ông Lê Quang T1 cũng đã đăng ký kết hôn với bà Ngô Thị Kim L1 vào năm 2002 bằng tên Lê Quang T1.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm. Phát hiện ông **Lê Quang T1** khai gian nên hai người đã sống ly thân từ rất nhiều năm nay. Do đó, bà **T** yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 02/89 do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/11/1989, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Phạm Thị T** và ông **Lê Quang T1** (**Lâm Quang P**).

Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung tên **Lâm Phước L**, sinh ngày 25/7/1986, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Trong Bản tự khai ngày 19/7/2024, bị đơn trình bày:

Ông **T1** sinh năm 1953, lúc sinh ra cha mẹ ông có đi làm giấy khai sinh tên ông là **Lâm Quang P**. Năm 1972, anh trai của ông tên **Lâm Quang V** đã lấy tên của ông để đi lính, năm 1972, anh trai của ông chết thì trong giấy tờ mới thể hiện ông **Lâm Quang P** đã chết. Sau đó ông làm lại giấy tờ tên **Lê Quang T1**, sinh năm 1954.

Năm 1989, ông có dùng tên **Lâm Quang P** để đăng ký kết hôn với bà **Phạm Thị T** tại UBND thị trấn A, B. Cả hai chung sống với nhau đến năm 2007 thì bà **T** đuổi ông ra khỏi nhà. Năm 2002, ông có đăng ký kết hôn với bà **Ngô Thị Kim L1** bằng tên **Lê Quang T1**. Nay bà **T** yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy kết hôn, không công nhận quan hệ vợ chồng, ông đồng ý, không có ý kiến gì.

Về con chung: Có 01 con chung tên **Lâm Phước L**, sinh ngày 25/4/1986 đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn ban hành Thông báo mở phiên họp, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi Quyết định xét xử cho Viện kiểm sát.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu việc bà **T** yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 02/89 do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/11/1989, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Phạm Thị T** và ông **Lê Quang T1** (hay còn gọi là **Lâm Quang P**).

2. Con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung tên **Lâm Phước L**, sinh ngày 25/7/1986, đã thành niên. Muốn sống với cha, mẹ tùy ý, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật với ông Lê Quang T1 (Lâm Quang P). Ông T1 hiện đang cư trú trên địa bàn Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Ngày 19/7/2024, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngày 20/7/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị T và ông Lâm Quang P (Lê Quang T1) tự nguyện kết hôn vào năm 1989, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 02/89 ngày 22/11/1989.

Năm 2007, bà T phát hiện ông Lê Quang T1 khai gian, ông Lê Quang T1 thực tế đã lấy tên Lâm Quang P (là tên của một người đã chết) để đăng ký kết hôn với bà T nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 02/89 do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/11/1989, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị T và ông Lê Quang T1 (Lâm Quang P).

Theo Văn bản số 1076/TB/QLHC ngày 11/12/2007 của Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Ông Lê Quang T1 khai tên là Lâm Quang P có tên trong tờ khai gia đình chế độ cũ tại Quận A. Ông P có người anh ruột tên Lâm Quang V, sinh năm 1952, trước năm 1975 đã sử dụng tên của ông P để trốn quan dịch, sau đó ông V bị bắt đi lính và chết năm 1972 có Giấy chứng tử mang tên Lâm Quang P. Về phần ông P thì được mẹ làm cho một giấy thế vì khai sinh mang tên Lê Quang T1, sinh ngày 01/01/1954.

Theo văn bản trả lời xác minh của Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ngày 11/12/2007 Công an quận B đã xóa đăng ký thường trú của ông Lâm Quang P do khai man hồ sơ để đăng ký hộ khẩu.

Ông T1 cũng thừa nhận năm 1989, ông có dùng tên Lâm Quang P để đăng ký kết hôn với bà Phạm Thị T.

Theo quy định tại Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc Người có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật:

“ 1. ....

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 8 của Luật này:

a) Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật;...”.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Lê Quang T1 đã sử dụng tên Lâm Quang P để đăng ký kết hôn với bà Phạm Thị T. Do đó, việc bà T yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 02/89 do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/11/1989, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị T và ông Lê Quang T1 (hay còn gọi là Lâm Quang P) là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

- Về con chung: Bà T và ông T1 chung sống có một con chung tên Lâm Phước L, sinh ngày 25/7/1986, đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai xác định không có.

- Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí do bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Xét về quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử :*

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T.
2. Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 02/89 do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/11/1989 và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị T và ông Lâm Quang P (Lê Quang T1).
3. Về con chung: Lâm Phước L, sinh ngày 25/7/1986 đã thành niên.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Bà Phạm Thị T được miễn án phí.
6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND Quận 11, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ánh Loan**